

Bản án số: **256/2020/DS-ST**

Ngày: 19/8/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Hoàn Xanh
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 509/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TC;

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R - số 9, đường B, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Lầu 12, Tòa nhà C - số 20, đường H, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

(Văn bản ủy quyền số 07/UQTA-VH.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020)

- Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1973; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 91 đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/12/2016, ông Hoàng Ngọc S có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20161214-0009329 với Công ty TC (sau đây gọi tắt là Công ty TC) để vay số tiền 17.892.423 đồng *(Mười bảy triệu tám trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng)*. Lãi suất thỏa thuận 4.17%/tháng. Mục đích: Vay tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông S có trách nhiệm thanh toán số tiền 34.822.062 đồng (trong đó nợ gốc là 17.892.423 đồng và lãi là 16.929.639 đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng (35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 969.000 đồng, tháng cuối cùng trả 907.062 đồng). Thanh toán vào ngày 19 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 19/01/2017.

Thực hiện hợp đồng, ông S đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty TC tổng số tiền là 16.984.000 đồng, còn nợ lại 17.838.062 đồng (trong đó nợ gốc là 12.332.974 đồng và lãi là 5.505.088 đồng). Kể từ ngày 25/8/2018 ông S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Công ty TC đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên sau khi Công ty nộp đơn khởi kiện, tính đến ngày 29/5/2020 ông S có thanh toán thêm số tiền 3.000.000 đồng. Ông S hiện còn nợ lại 14.838.062 đồng (nợ gốc là 9.332.974 đồng; nợ lãi 5.505.088 đồng).

Do ông S trễ hạn thanh toán nên Công ty TC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S thanh lý hợp đồng, trả một lần cho Công ty TC toàn bộ số tiền 14.838.062 đồng (nợ gốc là 9.332.974 đồng; nợ lãi 5.505.088 đồng) và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 08/6/2020 và 26/6/2020 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn là ông Hoàng Ngọc S vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa xét xử sơ thẩm:

- Ông Lê Hồng Q là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TC có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Hoàng Ngọc S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về thời hạn tố tụng: Hồ sơ vi phạm thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161214-0009329 ngày 14/12/2016 của ông S, thì ông S có vay của Công ty TC số tiền 17.892.423 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.17%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 351, Điều 463 Bộ luật Dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty TC buộc ông S phải thanh toán số

tiền 14.838.062 đồng (trong đó, nợ gốc là 9.332.974 đồng; nợ lãi 5.505.088 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TC và Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20161214-0009329 ngày 14/12/2016. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Hoàng Ngọc S cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hoàng Ngọc S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Công ty TC và bị đơn ông Hoàng Ngọc S.

- *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T kiến nghị về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Tòa án nhân dân quận T sẽ rút kinh nghiệm.*

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- *Xét yêu cầu thanh toán số tiền 14.838.062 đồng (trong đó nợ gốc là 9.332.974 đồng và nợ lãi là 5.505.088 đồng).*

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20161214-0009329 ngày 14/12/2016 ông S đã ký với Công ty TC thì hình thức và nội dung sự thỏa

thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự.

Công ty TC và ông S đã thỏa thuận về việc cho vay số tiền 17.892.423 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.17%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TC số tiền 34.822.062 đồng (trong đó nợ gốc là 17.892.423 đồng và lãi là 16.929.639 đồng) theo hình thức trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. Ông S đã thanh toán được 19.984.000 đồng, còn nợ lại 14.838.062 đồng. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông S là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng nên Công ty TC yêu cầu ông S thanh toán số tiền 14.838.062 đồng (trong đó nợ gốc 9.332.974 đồng và lãi 5.505.088 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Ông Hoàng Ngọc S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TC yêu cầu ông S thanh toán số tiền 17.838.062 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông S không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TC yêu cầu ông S phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông S không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TC.

Buộc bị đơn ông Hoàng Ngọc S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TC số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20161214-0009329 ngày 14/12/2016, tính đến ngày 19/8/2020 là 14.838.062 đồng (trong đó nợ gốc là 9.332.974 đồng và nợ lãi là 5.505.088 đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Ngọc S phải chịu số tiền 741.903 đồng (*Bảy trăm bốn mươi một nghìn chín trăm lẻ ba đồng*).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 445.952 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi hai đồng*) theo Biên lai thu số 0020198 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận T cho Công ty TC.

3. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Công ty TC và ông Hoàng Ngọc S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Thùy Trang